Chi tiết mã HS 4801.00.13

Mã HS	4801.00.13
Mô tả hàng hóa	Giấy in báo, dạng cuộn hoặc tờ / - Có định lượng không quá 55 g/m2: / - - Ở dạng tờ, hình vuông hoặc hình chữ nhật, có một chiều trên 28 cm nhưng không quá 36 cm, và chiều kia trên 15 cm ở dạng không gấp
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:43:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/48010013/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7347
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7347
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7347
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7055
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7010
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7010
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7010
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7010
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7010
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7010
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E7060
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7060

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7060
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7060
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7060
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7060
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	VJ!E7061
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F7061
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	1	VJ!G7061
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	1	VJ!H7061
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7061
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7061
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7062
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7016
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7018
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7018
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7018
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7018
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7018
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7018
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7038
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7038
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7038
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7038
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7038
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7038
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7092
VCFTA	2023	2023	5	VC!E7092

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7092
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7092
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7092
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7092
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7072
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7072
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7072
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7072
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7072
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7072
AHKFTA	2022	2022	20	AKH!D7081
AHKFTA	2023	2023	20	AKH!E7081
AHKFTA	2024	2024	20	AKH!F7081
AHKFTA	2025	2025	20	AKH!G7081
AHKFTA	2026	2026	20	AKH!H7081
AHKFTA	2027	2027	20	AKH!I7081
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D7073
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E7073
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F7073
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G7073
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H7073
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7073
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D7074
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E7074
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F7074
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G7074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H7074
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7074
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7040
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7040
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7040
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7040
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7040
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7040
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7040
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7075
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7075
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7075
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7075
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7075
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7075
RCEP B	2022	2022	0	B!D7075
RCEP B	2023	2023	0	B!E7075
RCEP B	2024	2024	0	B!F7075
RCEP B	2025	2025	0	B!G7075
RCEP B	2026	2026	0	B!H7075
RCEP B	2027	2027	0	B!I7075
RCEP C	2022	2022	0	C!D7075
RCEP C	2023	2023	0	C!E7075
RCEP C	2024	2024	0	C!F7075
RCEP C	2025	2025	0	C!G7075
RCEP C	2026	2026	0	C!H7075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7075
RCEP D	2022	2022	0	D!D7075
RCEP D	2023	2023	0	D!E7075
RCEP D	2024	2024	0	D!F7075
RCEP D	2025	2025	0	D!G7075
RCEP D	2026	2026	0	D!H7075
RCEP D	2027	2027	0	D!I7075
RCEP E	2022	2022	0	E!D7078
RCEP E	2023	2023	0	E!E7078
RCEP E	2024	2024	0	E!F7078
RCEP E	2025	2025	0	E!G7078
RCEP E	2026	2026	0	E!H7078
RCEP E	2027	2027	0	E!I7078
RCEP F	2022	2022	0	F!D7075
RCEP F	2023	2023	0	F!E7075
RCEP F	2024	2024	0	F!F7075
RCEP F	2025	2025	0	F!G7075
RCEP F	2026	2026	0	F!H7075
RCEP F	2027	2027	0	F!I7075
VIFTA	2024	2024	20	VI!F6538
VIFTA	2025	2025	20	VI!G6538
VIFTA	2026	2026	20	VI!H6538
VIFTA	2027	2027	20	VI!I6538

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 20%, VIFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4801.00 có 8 dòng thuế; dòng 4801.00.13 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ở dạng tờ, hình vuông hoặc hình chữ nhật, có một chiều trên 28 cm nhưng không quá 36 cm, và chiều kia trên 15 cm ở dạng không gấp.	4801.00.11 Ở dạng cuộn, có chiều rộng trên 28 cm nhưng không quá 36 cm; 4801.00.12 Ở dạng cuộn, loại khác; 4801.00.14 Ở dạng tờ, hình vuông hoặc hình chữ nhật, có một chiều trên 36 cm, và chiều kia trên 15 cm ở dạng không gấp; 4801.00.21 Ở dạng cuộn, có chiều rộng trên 28 cm nhưng không quá 36 cm; 4801.00.22 Ở dạng cuộn, loại khác; 4801.00.23 Ở dạng tờ, hình vuông hoặc hình chữ nhật, có một chiều trên 28 cm nhưng không quá 36 cm, và chiều kia trên 15 cm ở dạng không gấp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4801.00.13. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4801.00.13 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7347), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.